

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2023/DS-PT

Ngày: 29-8-2023

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Cường

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Đinh Phước Hoà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2952/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Khấu Thị N, sinh năm 1937 (đã chết);

Địa chỉ: Tổ đoàn kết số 06, khối 05, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Khấu Thị N:* Ông Nguyễn L, sinh năm 1966; địa chỉ: khối 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Khấu Thị N:* Ông Đào Duy K và ông Nguyễn Thanh C, Luật sư văn phòng luật sư Đào Duy K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, đều có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1938;

Địa chỉ: Tổ đoàn kết số 01, khối 05, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam,

có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Phạm Xuân L, địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, có Văn bản số 5556/UBND-NCKS ngày 18/8/2023 xin xét xử vắng mặt (do Chủ tịch UBND tỉnh ký).

*Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam:* Ông Nguyễn Trường S, chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam, vắng.

Địa chỉ: tỉnh Quảng Nam.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Khấu Thị N và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:**

Trước đây cha mẹ chồng bà N là ông Nguyễn B (chết năm 1954) và bà Đinh Thị B (chết năm 1989) có khai hoang một mảnh đất với diện tích khoảng 1.900m<sup>2</sup> để xây dựng nhà ở tại khối 5, thị trấn N, huyện N. Trong thời gian chung sống, cha mẹ bà N đã sinh được 04 người con gồm: chồng bà N là ông Nguyễn Đ (chết), ông Nguyễn T (chết), bà Nguyễn Thị C (chết), bà Nguyễn Thị H.

Vào năm 1972, sau khi cha chồng bà N là ông B chết thì mẹ chồng bà N là bà Đinh Thị B cắt mảnh đất nói trên cho 03 người con (gồm bà N, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị H) mỗi người một phần 600m<sup>2</sup> đất để xây dựng nhà ở. Trong quá trình sử dụng, 03 anh chị em bà N đều đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo Chi thị 299/TTg của Chính phủ tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 4, diện tích đất 1.892m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư (T). Cụ thể: ông Nguyễn T đăng ký kê khai diện tích đất 692m<sup>2</sup>, bà Nguyễn Thị H đăng ký kê khai diện tích 600m<sup>2</sup>, còn bà N đăng ký kê khai diện tích đất 600m<sup>2</sup>.

Vị trí phần diện tích đất mà bà N được mẹ cho nằm bên phải ngôi nhà hiện tại của bà Nguyễn Thị H, có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp đất của hộ ông Đỗ Văn T, phía Nam giáp đất của hộ ông Nguyễn Thế H, phía Bắc giáp đất của hộ bà Nguyễn Thị H.

Sau khi được mẹ cho, vợ chồng bà N đã xây dựng nhà và ở từ đó cho đến năm 1985. Đến năm 1986, con trai bà N là ông Nguyễn L lập gia đình riêng và xin đất nơi khác để xây dựng nhà ở, sau khi con bà N xây dựng nhà xong thì bà

N đã về sống chung với con. Vì nghĩ rằng diện tích đất mà gia đình bà N sử dụng là do cha mẹ cho nên chưa xây dựng lại nhà ở, cũng như chưa lập thủ tục đề nghị Nhà nước cấp Giấy CNQSD đất, nhưng không ngờ trong quá trình sử dụng bà Nguyễn Thị H đã tự ý lấn chiếm và đăng ký kê khai luôn phần diện tích đất của bà N và đã được cấp Giấy CNQSD đất đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Trên thực tế hiện nay, ngôi nhà cũ mà trước đây vợ chồng bà N xây dựng không còn nữa, chỉ còn lại một số cây cối như: Dừa, Khế, Trâm, Mít... mà trước đây bà N trồng trên diện tích đất được mẹ chồng cho và bà N đã đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 04, diện tích đất 600m<sup>2</sup>, loại đất thổ cư (T). Hiện tại, bà Nguyễn Thị H đã sử dụng một phần diện tích lấn chiếm của bà N để xây dựng nhà ở, tuy nhiên hiện tại hai bên ngôi nhà của bà H vẫn còn lại một khoảng đất trống có diện tích khoảng hơn 600m<sup>2</sup>.

Việc làm nói trên của bà Nguyễn Thị H đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà N. Do đó, bà N đã làm đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai gửi đến UBND thị trấn N, UBND thị trấn N đã tiến hành kiểm tra và tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà N và bà H vào ngày 13/8/2020, tuy nhiên kết quả hòa giải không thành.

Trước đây, bà N khởi kiện yêu cầu giải quyết diện tích 600m<sup>2</sup> tuy nhiên, sau quá trình xem xét thẩm định thực tế thì gia đình bà H có làm nhà lấn một phần diện tích tranh chấp, nên phía nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả lại phần diện tích đất trống còn lại cách tường nhà bà H đã xây 0,5m theo vị trí đã định vị (từ điểm 3 đến điểm 10 từ trước và sau) có diện tích 406,4m<sup>2</sup> đất, phần diện tích còn lại (600m<sup>2</sup> - 406,4m<sup>2</sup>) 193,6m<sup>2</sup> phía nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu hủy một phần Giấy CNQSD đất do UBND tỉnh Quảng Nam cấp tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 19, diện tích 887,2m<sup>2</sup> tại khối 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị H ngày 28/9/2001 đối với phần diện tích đất tranh chấp 406,4m<sup>2</sup>.

**Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bị đơn thống nhất nguồn gốc đất là do cha mẹ của bà N và bà H là ông Nguyễn B (chết năm 1954) và bà Đinh Thị B (chết năm 1989) khai hoang với diện tích khoảng 1.900m<sup>2</sup> để xây dựng nhà ở tại khối 5, thị trấn N, huyện N. Căn cứ bà N cho rằng bà H lấn chiếm đất là không có cơ sở vì đất không phải của bà N và cha mẹ bà H không có phân chia tài sản hay để lại cho bà N mà chỉ để lại cho ông T và bà H. Trên diện tích đất của bà H có nhà, tường rào, cổng ngõ của bà.

**Tại Công văn số 1978/STNMT-VPĐK ngày 13/9/2021 (BL 56), người**

**đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Quảng Nam trình bày:**

Bà Nguyễn Thị H sử dụng thửa đất số 129, tờ bản đồ số 19, diện tích 887,2m<sup>2</sup>, trong đó: 200,0m đất ở, 687,2m<sup>2</sup> đất vườn, tại tổ 1, khối 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Thực hiện Nghị định số 60/CP của Chính phủ, bà Nguyễn Thị H kê khai đăng ký và lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất số 129, tờ bản đồ số 19 nói trên. Căn cứ quy định pháp luật, UBND tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thị trấn N cho 156 hộ gia đình, cá nhân và Giấy chứng nhận số 0325010083 cho bà Nguyễn Thị H đối với phần diện tích đất số 129, tờ bản đồ số 19, trong diện tích 887,2m<sup>2</sup> tại tổ 1, khối 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam là đúng quy định pháp luật.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 04/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:***

Căn cứ vào các điều 26, 34, 37, 39, khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 điều 32 của luật tố tụng hành chính; các điều 11, 15, 115, 163 và 168 của Bộ luật dân sự; các điều 3, 21 Luật đất đai năm 1993, được sửa đổi bổ sung năm 1998; khoản 7, 9 Điều 3, khoản 1, 2, 3 Điều 26, các điều 53, 99, 100 và 101 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khấu Thị N về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định cá biệt*” với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất tranh chấp 406,4m<sup>2</sup> và toàn bộ cây cối hiện có trên diện tích đất tranh chấp 406,4m<sup>2</sup>, nằm trong thửa đất số 129, tờ bản đồ số 19, có diện tích 887,2m<sup>2</sup> cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Khấu Thị N là ông Nguyễn L (*có sơ đồ kèm theo bản án*).

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Quảng Nam cấp cho bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 19, diện tích 887,2m<sup>2</sup> tại khối 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam ngày 28/9/2001 đối với phần diện tích 406,4m<sup>2</sup> đất (*có sơ đồ kèm theo bản án*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 19/4/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và đơn xin miễn án phí do người cao tuổi và hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát cho rằng Thẩm phán chủ toạ, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Về nội dung, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo của bị đơn không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:*

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn có kháng cáo vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn kháng cáo, bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại để khỏi ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H (đơn kháng cáo thể hiện do con trai Nguyễn Phước thực hiện và bà H điềm chỉ), thấy rằng:

[2.1] Về diện tích đất tranh chấp:

Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 02-2021 do Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Nam đo vẽ ngày 09/6/2021 (BL 68) và Công văn số 1978/STNMT-VPĐK ngày 13/9/2021 (BL 56) thì diện tích 406,4m<sup>2</sup> đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 129, tờ bản đồ số 19, có diện tích 887,2m<sup>2</sup> tại khối 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam được UBND tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H ngày 28/9/2001.

[2.2] Về nguồn gốc diện tích 406,4m<sup>2</sup> đất tranh chấp: Tại Biên bản hòa giải ngày 13/8/2020 của UBND thị trấn N thể hiện: Ông Nguyễn B và bà Đinh Thị B có khai hoang thửa đất với diện tích 1.900m<sup>2</sup> để xây dựng nhà ở tại khối 5 (khối 6 cũ), thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Theo hồ sơ kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg và biên bản hòa giải ngày 13/8/2020 do UBND thị trấn N cung cấp (BL 06-09) thể hiện: Năm 1972 bà Đinh Thị B (mẹ chồng của bà Khấu Thị N và bà Nguyễn Thị H) chia thửa đất vườn cho 03 người con: gồm ông Nguyễn T, bà Khấu Thị N và bà Nguyễn Thị H mỗi người 600m<sup>2</sup> đất. Sau khi được chia đất cả 03 người trên đều kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Cụ thể:

Bà Nguyễn Thị H kê khai tại thửa 10, tờ 04, diện tích 600m<sup>2</sup> (T).

Ông Nguyễn T kê khai tại thửa 10, tờ 04, diện tích 692m<sup>2</sup> (T).

Bà Khấu Thị N kê khai tại thửa 10, tờ 04, diện tích 600m<sup>2</sup> (T).

[2.3] Nguyên đơn bà Khấu Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích 406,4m<sup>2</sup> đất, nằm trong thửa số 129, tờ bản đồ số 19, có diện tích 887,2m<sup>2</sup> và hủy một phần Giấy CNQSD đất do UBND tỉnh Quảng Nam cấp tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 19, diện tích 887,2m<sup>2</sup> tại khối 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị H ngày 28/9/2001 đối với phần diện tích 406,4m<sup>2</sup> đất, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại hồ sơ kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg và Biên bản hòa giải do UBND thị trấn N cung cấp (BL 06-09) thể hiện: Bà Nguyễn Thị H kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg tại thửa 10, tờ 04, diện tích 600m<sup>2</sup> (T), nhưng khi kê khai đăng ký theo Nghị định 60/CP (năm 1998) bà Nguyễn Thị H kê khai đăng ký tại thửa số 129, tờ bản đồ số 19, có diện tích 887,2m<sup>2</sup> nhưng bà Nguyễn Thị H không có chứng cứ chứng minh phần diện tích tăng thêm gần 300m<sup>2</sup> do đâu mà có là kê khai không đúng. Hơn nữa, tại Biên bản hòa giải do UBND thị trấn N lập (BL 08) ông Nguyễn Phước (con bà Nguyễn Thị H) cũng đã thừa nhận: Vào khoảng thời gian từ năm 1984 đến 1985 bà N có cái chái nhà để sinh hoạt. Đến tại thời điểm UBND thị trấn N hòa giải khi giải quyết tranh chấp, vẫn còn ngôi nhà cũ diện tích 20m<sup>2</sup> có kết cấu: mái ngói, tường xây, nền xi măng của bà Khấu Thị N.

Như vậy, việc UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy CNQSD đất tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 19, diện tích 887,2m<sup>2</sup> tại khối 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị H khi các cơ quan chức năng không khảo sát, thẩm tra thực trạng tình hình sử dụng đất của các hộ gia đình cá nhân có liên quan đối với phần diện tích 887,2m<sup>2</sup> đất, không giải quyết các tài sản (nhà) thuộc sở hữu của bà N có trên diện tích 887,2m<sup>2</sup> đất và không tiến hành kiểm tra, xác minh ai là người khai hoang hoặc đang sử dụng diện tích là 887,2m<sup>2</sup> đất nêu trên là không đúng qui định tại Điều 21 của Luật đất đai năm 1993: *“Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó”*. Sai sót này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Khấu Thị N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn bà Khấu Thị N chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất 406,4m<sup>2</sup>, phần diện tích còn lại 193,6m<sup>2</sup> bà H đã xây dựng nhà kiên cố và phía nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy CNQSD đất thửa đất số 129, tờ bản đồ số 19, diện tích 887,2m<sup>2</sup> cho bà Nguyễn Thị H không đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị

H trả lại diện tích 406,4m<sup>2</sup> đất, nằm trong thửa số 129, tờ bản đồ số 19, có diện tích 887,2m<sup>2</sup> cho bà Khấu Thị N và hủy một phần Giấy CNQSD đất do UBND tỉnh Quảng Nam cấp tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 19, diện tích 887,2m<sup>2</sup> tại khối 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị H vào ngày 28/9/2001 đối với phần diện tích đất tranh chấp 406,4m<sup>2</sup>.

Trên phần diện tích 406,4m<sup>2</sup> đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Khấu Thị N theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2021 có các cây như: Đào, ổi, mít, dừa, trâm, sưa tại Biên bản hòa giải do UBND thị trấn N lập (BL 08) ông Nguyễn Phước (con bà Nguyễn Thị H) cũng đã thừa nhận: toàn bộ cây trên đất tranh chấp là do tự mọc và bà H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử xác định tất cả các cây hiện có trên diện tích 406,4m<sup>2</sup> đất thuộc quyền sở hữu của bà Khấu Thị N.

Từ những vấn đề phân tích, lập luận trên, thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm xét xử vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại diện tích đất cho nguyên đơn và hủy một phần GCNQSDĐ mà UBND tỉnh Quảng Nam cấp cho bà Nguyễn Thị H là có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của bị đơn không có cơ sở, không có tài liệu chứng cứ làm thay đổi bản chất vụ án nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuy kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà H là người cao tuổi, gia đình khó khăn và có đơn, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các điều 26, 34, 37, 39, khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 điều 32 của luật tố tụng hành chính; các điều 11, 15, 115, 163 và 168 của Bộ luật dân sự; các điều 3, 21 Luật đất đai năm 1993, được sửa đổi bổ sung năm 1998; khoản 7, 9 Điều 3, khoản 1, 2, 3 Điều 26, các điều 53, 99, 100 và 101 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khấu Thị N về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định cá biệt*” với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất tranh chấp 406,4m<sup>2</sup> và toàn bộ cây cối hiện có trên diện tích đất tranh chấp 406,4m<sup>2</sup>, nằm trong thửa đất số 129, tờ bản đồ số 19, có diện tích 887,2m<sup>2</sup> cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Khấu Thị N là ông Nguyễn L (*có sơ đồ kèm theo bản án*).

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND tỉnh Quảng Nam cấp cho bà Nguyễn Thị H tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 19, diện tích 887,2m<sup>2</sup> tại khối 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam ngày 28/9/2001 đối với phần diện tích 406,4m<sup>2</sup> đất (*có sơ đồ kèm theo bản án BL-93*).

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị H được miễn.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Cường**